|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC** | | | | | |
| ( Kèm theo Thông Báo số: /TB-TTYT ngày 08 tháng 05 năm 2024 của  Trung Tâm Y Tế huyện Bảo Lâm) | | | | | |
|  | | | | | |
| **STT** | **Số Code yêu cầu báo giá** | **Tên trang thiết bị** | **Tiêu chí kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng kế hoạch 2024** |
| **I** |  | **Gói thầu : Mua sắm trang thiết bị năm 2024** | | | |
| **1** | 1 | Máy điện xung trị liệu | \*\* Cấu hình cung cấp:Hàng mới 100%, năm sản xuất 2023 trở về sau Máy chính kèm phụ kiện : 01 bộ, bao gồm - Đai thắt điện cực có nút 60 cm - Đai thắt điện cực có nút 120 cm - Dây cáp : 01 bộ - Bộ điện cực : 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng : 01 bộ \*\* Tính năng kỹ thuật: đạt chuẩn ISO hoặc tương đương - Màn hình : Độ phân giải cao, cảm ứng - Lập trình thời gian điều trị ≤ 60 phút - Công suất đầu ra ( kháng tải 2000Ω): - Các kênh: 2 kênh độc lập (các chương trình, cường độ, các thông số) - Chế độ kích thích điện: Đồng bộ, thay thế, riêng biệt, tuần tự - Các loại dòng điện: Galv, LF, hai pha, MF, MF / LF, giao thoa. - Chương trình: ≥ 100 chương trình - Cài đặt: Tất cả các thông số thay đổi được có thể truy cập thông qua màn hình cảm ứng - Chỉ định cho bệnh nhân: ≥120 chỉ định điều trị - Kích thước: Chiều rộng:≤33 cm, Chiều cao: ≤13 cm, Chiều sâu: ≤22 cm | Máy | 1 |
| **2** | 2 | Giường kéo cột sống,cổ chạy điện | \*\* Cấu hình cung cấp :Thiết bị mới 100%; Năm sản xuất: 2023 trở về sau, đạt chuẩn ISO hoặc tương đương - Máy kéo giãn cột sống lưng cổ : 01 chiếc, bao gồm Công tắc dừng khẩn cấp : 01 cái Dây nguồn : 01 cái Tài liệu HDSD tiếng việt : 01 bộ - Giường kéo : 01 chiếc, bao gồm - Giá đỡ máy kéo giãn : 01 cái - Công tắc tay : 01 cái - Dây đai ngực : 01 cái - Dây đai chậu : 01 cái \*\* Tính năng kĩ thuật :  \*\* Máy kéo giãn cột sống lưng cổ : -Thông số kỹ thuật : -Tối đa. Lực kéo: ≥ 900 Newton  -Tối thiểu. Lực kéo: ≥ 10 Newton  -Thời gian điều trị: 1-99 phút -Các chương trình cài sẵn: Lực kéo tĩnh và gián đoạn cho kéo cổ , thắt lưng và ngoại vi \*\* giường kéo : -Điều chỉnh chiều cao tối đa : ≥ 105 cm -Chiều dài: ≥207 cm  -Chiều rộng: ≥67 cm -Sức nâng: ≥150 kg | Cái | 1 |
| **3** | 3 | Máy siêu âm điều trị | \*\* Cấu hình cung cấp :Thiết bị mới 100%; Năm sản xuất: 2023 trở về sau, đạt chuẩn ISO hoặc tương đương - Máy chính kèm phụ kiện : 01 bộ, bao gồm : - 2 đầu dò tần số siêu âm - 1 cáp nguồn - 1 Giá đỡ cho đầu dò - 1 lọ gel siêu âm - 1 Tài liệu HDSD tiếng việt - 1 xe đẩy \*\* Tính năng kĩ thuật : -- Chế độ hoạt động : Hoạt động liên tục: 30 phút bật, 10 phút tắt - Cài đặt: Tất cả các thông số có thể thay đổi trên màn hình cảm ứng  - SonoSwing : Lựa chọn độ sâu hiệu ứng - Hướng dẫn sử dụng: ≥ 50 tác dụng điều trị - Màn hình : cảm ứng  - Các dạng siêu âm  + Siêu âm liên tục + Siêu âm xung, tần số xung điều chỉnh: 20 Hz, 50 Hz, 100 Hz, | Máy | 2 |
| **4** | 4 | Đèn (máy) soi tĩnh mạch | \*\* Cấu hình cung cấp:Thiết bị mới 100%; Năm sản xuất: 2023 trở về sau, đạt chuẩn ISO hoặc tương đương - Máy chính: 01   * Bộ điều khiển: 01 * Bộ sạc: 01 * Hộp đựng: 01 * Hướng dẫn sử dụng tiếng việt: 01 * Dây garo: 01 \*\* Tính năng kĩ thuật : - Đèn soi ven giúp dễ dàng soi được mạch máu, cho phép quan sát và định vị ven (tĩnh mạch) dưới da trong việc tiêm truyền và lấy máu. - Sử dụng cho mọi bệnh nhân, đặc biệt cho trẻ sinh non hoặc trẻ sơ sinh. - Đèn soi ven có cường độ sáng có thể điều chỉnh được (tăng cường độ rõ của mạch máu). - Ánh sáng cho độ tương phản rõ nét, thâm nhập vào các mô dưới da làm cho mạch máu rõ ràng hơn. – Kết nối điện khi có bộ sạc: điện áp: 100 – 240 VAC ± 10% Tần số: 50 – 60 Hz – Kết nối điện trong quá trình hoạt động: điện áp 4.8 V – Bảo vệ: lớp II, IPX0 – Kích thước bộ điều khiển (Dài x Rộng x Sâu): ≥(141 x 63 x 33) mm – Kích thước tay cầm (Chiều dài cáp x Rộng x Sâu):≥ (1150 x 19 x 12) mm – Kích thước bộ sạc (Chiều dài cáp x Rộng x Sâu): ≥(1000 x 60 x 50) mm | Máy | 3 |
| **5** | 5 | Máy dopler tim thai | \*\* Cấu hình cung cấp :Thiết bị mới 100%; Năm sản xuất: 2023 trở về sau, đạt chuẩn ISO hoặc tương đương - + 01 Máy chính   + 01 Đầu dò tim thai   + 01 Túi đựng máy  + 01 Tuýp gel siêu âm   + 01 Pin   + 01 Tài hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt \*\* Tính năng kỹ thuật : - Màn hình hiển thị nhịp tim thai, nhịp đập tim - Khoảng đo nhịp tim thai: từ khoảng 50 – 240 nhịp/phút  - Đầu dò tim thai tần số: ≥2MHz - Có thể nghe nhịp tim thai qua loa hoặc tai nghe (option) - Chức năng cố định nhịp tim thai bằng phím bấm trên máy - Công suất loa : ≥ 650mW - Có thể điều chỉnh âm lượng bằng bút bên cạnh máy - Tự động tắt máy khi không sử dụng trong khoảng 3 phút - Kích thước ( RxDxC ) : <=78 x 141 x 27 mm | Máy | 2 |
| **6** | 6 | Máy monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số  ( IBP) | \*\* cấu hình cung cấp :Hàng mới 100%, năm sản xuất 2023 trở về sau, đạt chuẩn ISO hoặc tương đương Cấu hình:   * 01 Máy chính có màn hình cảm ứng ≥ 15 inch, theo dõi các thông số: ECG, nhịp tim, nhịp thở, SpO2, NIBP, nhiệt độ, IBP * 01 Cảm biến SpO2 người lớn * 01 Cáp nối đo SpO2 * 01 Cáp điện tim 5 điện cực đo * 01 Điện cực dán dùng một lần * 01 Bao đo huyết áp người lớn * 01 Ống hơi đo huyết áp * 01 Đầu dò nhiệt độ da * 01 Cáp nối đo huyết áp xâm lấn IBP * 01 Bộ đo IBP (dùng một lần) * 01 Máy in nhiệt tích hợp * 01 Pin sạc tích hợp * 01 Xe đẩy đặt máy * 01 Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt.   \*\* Tính năng kĩ thuật: - Màn hình hiển thị:  + Kích thước: ≥15 inch  + Độ phân giải: ≥ 1366 х 768  + Loại: màn hình màu cảm ứng TFT  + Số vết hiển thị: hơn 13 dạng song  + Đo spo2: Công nghệ: Masimo SET - Nguồn điện + Yêu cầu nguồn điện: 100-250V, 50/60 Hz + Tiêu thụ điện: không quá 50 W + Nguồn pin: ≥4 giờ sử dụng - Phân loại bệnh nhân: Người lớn, trẻ em, sơ sinh - Bộ nhớ: ≥720 giờ xu hướng, 2 giờ xu hướng mini - Báo động:  + Báo động âm thanh và hình ảnh đa cấp độ; + Người dùng có thể điều chỉnh các giới hạn báo động cao và thấp + Cấp độ báo động: «Thông tin» «Tư vấn» «Cảnh báo» «Nghiêm trọng» + Tạm dừng báo động: từ 1 - 15 phút, hoặc khi có sự kiện kế tiếp - Máy in nhiệt + Độ rộng giấy: ≥58 mm  + Tốc độ in: ≥25 mm/s  + Độ phân giải: ≥ 8 điểm/mm  + Nội dung in: Dạng sóng (≥ 3 dạng sóng), biểu đồ, bảng, chữ số - Kết nối + Giao diện kết nối mạng: Ethernet (LAN) và Wi-Fi (WLAN) + Ngõ ra video: HDMI + Giao diện khác: MicroSD, USB (2 cổng) | Máy | 1 |
| **7** | 7 | Máy gây mê giúp thở có monitor theo dõi khí mê | \*\* Cấu hình cung cấp: Hàng mới 100%, Năm sản xuất: từ 2023 trở về sau.Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế: ISO hoặc tương đương   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Mô tả** | **Số lượng** | | 1 | Máy gây mê chính với vị trí gắn 2 bình bốc hơi khí mê, có hệ thống xe đẩy đồng bộ có khóa bánh xe và 3 ngăn kéo đựng dụng cụ. | 01 máy | | 2 | Máy thở với màn hình màu hiển thị Touchscreen ≥8.4”, có đủ các mode thở: Off, Standby, kiểm soát áp lực, thể tích (Volume, Pressure Controlled), tự nhiên (Spontaneous), SIMV, SMMV, PSV | 01 máy | | 3 | Bình bốc hơi Isoflurane | 01 cái | | 4 | Bình bốc hơi Sevoflurane | 01 cái | | 5 | Bộ hấp thụ khí CO2 kèm bộ gia nhiệt | 01 bộ | | 6 | Bộ điều chỉnh lưu lượng khí đôi (x2) O2, Air & N2O | 01 bộ | | 7 | Bộ ngõ ra khí mê (CGO), phía trước. Sử dụng cho gây mê Jacson Ree. | 01 cái | | 8 | Bộ 3 ổ cắm điện tiêu chuẩn Châu Âu. | 01 bộ | | 9 | Bộ dây thở kèm bóng bóp cho người lớn sử dụng nhiều lần. | 01 bộ | | 10 | Bộ dây thở kèm bóng bóp cho trẻ em sử dụng nhiều lần. | 01 bộ | | 11 | Mặt nạ gây mê cho người lớn sử dụng nhiều lần. | 01 cái | | 12 | Mặt nạ gây mê cho trẻ em sử dụng nhiều lần. | 01 cái | | 13 | Dây dẫn khí Oxy, khí nén Air và N2O dài 3m. | 01 bộ | | 14 | Dây dẫn khí thải gây mê dài ≥5m. | 01 cái | | 15 | Vôi soda, can 5 lít. | 01 can | | 16 | Giá treo máy thở. | 01 cái | | 17 | Cảm biến Oxy. | 01 cái | | 18 | Cảm biến dòng (trong máy). | 01 cái | | 19 | Phổi giả test máy ≥ 1.000 ml. | 01 cái | | 20 | Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt. | 01 bộ |   \*\* Tính năng kỹ thuật:  1/ Máy gây mê:   * Máy gây mê sử dụng được với nguồn khí trung tâm và khí bình /chai, bao gồm 04 hệ thống: gây mê, giúp thở, bình bốc hơi khí mê và hệ thống hấp thụ CO2 – thải khí gây mê. * Cho phép gây mê với dòng thấp, dòng oxy tối thiểu: ≤ 50 – ≥ 75ml/phút. * Có hệ thống O2 khẩn (O2 Flush) từ ≤ 35 – ≥ 75 ml/phút và tự động trở lại khi không sử dụng. * Bộ trộn khí có 3 hệ thống dẫn khí điều chỉnh với lưu lượng dòng đôi (x2) cho từng loại khí: O2/Air/N2O: * Từ 0 đến 1000 ml/phút * Từ 0 đến 10 L/phút. * Độ chính xác = ±2.5%   2/ **Máy giúp thở cho gây mê:**  Kiểm soát bằng màn hình màu Touchscreen ≥ 8.4” TFT, độ phân giải cao và kiểm soát bằng nút Com-Wheel.   * Có thể lựa chọn hiển thị dạng sóng đôi:   + Áp lực – Thời gian   + Thể tích – Thời gian   + Áp lực – Thể tích (cho phân tích sự thở) cộng với tính năng ổn định dạng sóng * Tự động kiểm tra sự rò rỉ và sự đáp ứng tiêu chuẩn trước khi sử dụng. * Được tích hợp sẵn việc theo dõi Oxy và phép đo dung tích phổi. * Lưu trữ và khôi phục chức năng cho những cài đặt đặc biệt của người sử dụng. * Tidal Volume (Vt) : Người lớn: ≤ 20 – ≥ 1600 ml; Trẻ em: ≤ 20 – ≥ 350 ml * Thể tích phút : ≤ 2 – ≥ 50 lít * Tần số thở : ≤ 4 – ≥ 100 nhịp/phút * Tỷ lệ I:E : 1 : 0.2 – 1 : 8 * Giới hạn áp lực : ≤ 10 – ≥ 80 cmH2O * Bù trừ khí sạch : tự động điều chỉnh Tidal Volume * Dòng hít vào : ≤ 2 – ≥ 70 L/phút * Thời gian hít vào : ≤ 0.3 – ≥ 10 giây * Thời gian thở ra : ≤ 0.3 – ≥ 10 giây * Các Mode thở : Off, Standby, kiểm soát áp lực, thể tích   (Volume, Pressure Controlled), tự nhiên (Spontaneous), và các Mode thở nâng cao: SIMV, SMMV, PSV   * Kiểm soát áp lực : ≤ 5 – ≥70 cmH2O (phạm vi áp lực). | Máy | 1 |
| **Tổng: 07 Mặt hàng** | | | | | |